TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số:**26**/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 29-9-2020
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phượng

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải

Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang*:* Ông Phạm Trường San- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLPT-HNGĐ ngày 17/7/2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 205/2020/HNGĐ-ST ngày 14/5/2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 156/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hồ Thị B, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: tổ 4, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên lạc: tổ 1, ấp H3, xã H, huyện P, Tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: tổ 4, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Văn B Luật sư Văn phòng Luật sư C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1953, địa chỉ cư trú: tổ 4, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người kháng cáo: Ông Huỳnh Văn T – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm

Nguyên đơn bà Hồ Thị B trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2008 nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã K. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà và ông T thường hay cãi vã với nhau, ông T có hành vi bạo lực, đánh bà và dùng những lời lẽ xúc phạm đối với bà. Bà B nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng nên bà đã tự bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 7/2018 đến nay. Từ khi ly thân đến nay, cả hai vẫn không thể hàn gắn tình cảm với nhau nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trí.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung, cháu tên Huỳnh Thị Linh Đ, sinh ngày 14/6/2009. Hiện cháu Đ đang sống với bà, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung theo luật định.

Về tài sản chung: Bà B khai quá trình chung sống, vợ chồng có số tài sản chung bao gồm:

01 căn nhà gỗ (nhà chính) diện tích 31,68m^2, toạ lạc tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang, kết cấu: nhà sàn trên cọc nóng đá, khung cột gỗ, vách, mái tole và 01 căn nhà phụ (nối liền nhà chính, để bán tạp hoá) diện tích 10m^2, kết cấu: nền láng xi măng, khung cột gỗ, mái vách lợp tole. Căn nhà được xây dựng trên phần đất của gia đình ông T;

01 máy ép nước mía; 01 tủ lạnh (tủ đông) hiệu Sanaky; 01 tủ đựng đồ nhôm; 01 chiếc xe mô tô, hiệu Honda, biển số 67D1 - 61.996; Số tiền bán 03 con bò, trị giá 25.000.000 đồng; 51 gốc xoài (02 năm tuổi) đang trồng trên đất nhà của ông T;

Phần đất nông nghiệp (nuôi trồng thuỷ sản) có diện tích 2.332m^2, toạ lạc tại xã K, huyện C, tỉnh An Giang đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK536223, số vào sổ CH04087 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/12/2012 cho ông Huỳnh Văn T đứng tên sử dụng.

Tất cả các tài sản trên đều do ông T quản lý, sử dụng, bà B yêu cầu chia các tài sản chung nêu trên theo quy định của pháp luật, bà thống nhất giá trị của các tài sản trên theo giá mà Hội đồng định giá đã định và yêu cầu được nhận giá trị tương đương bằng tiền sau khi chia.

Về nợ chung: Bà B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất với bà B về điều kiện kết hôn, về lý do bà B xin ly hôn, ông thừa nhận cuộc sống vợ chồng đôi khi có chút mâu thuẫn trong cách sinh hoạt hằng ngày như ông kêu bà B làm việc này thì bà

lại làm việc khác, từ đó vợ chồng cãi vã với nhau, có một lần do nóng tính ông có đánh bà B bằng bạt tay nhưng không nghiêm trọng lắm. Nay bà B yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý ly hôn, ông cho rằng còn thương vợ và thương con, mong muốn đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Ông T thống nhất với bà Bé là vợ chồng có 01 con chung là cháu Đ như bà B đã khai, hiện do vợ chồng đang ly thân nên cháu Đ đang sống với bà B. Nếu Toà án cho ly hôn, ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông thống nhất với bà B là các tài sản mà bà B khai gồm: 01 căn nhà chính, 01 căn nhà phụ bán tạp hoá, 01 máy ép nước mía, 01 tủ đông hiệu Sanaky, 01 tủ đựng đồ nhôm, 01 chiếc mô tô biển số 67D1 - 61.996, số tiền bán 03 con bò là 25.000.000 đồng và 51 gốc xoài (02 năm tuổi) là tài sản chung của vợ chồng, đồng ý chia theo pháp luật, tuy nhiên ông T không đồng ý với giá trị do Hội đồng định giá đã định.

Riêng về phần đất nông nghiệp (đất nuôi trồng thuỷ sản) có diện tích 2.332m^2, toạ lạc xã K, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK536223, số vào sổ CH04087 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/12/2012 cho ông T đứng tên sử dụng, ông T cho rằng đây là tài sản riêng của ông do cha mẹ ông cho trước khi cưới bà Bé nên ông không đồng ý đây là tài sản chung như bà B đã khai và không đồng ý chia tài sản này.

Về nợ chung: Ông T khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M trình bày*:** Bà không có ý kiến gì về vấn đề hôn nhân giữa bà B và ông T. Tuy nhiên, trong phần tài sản giữa bà B và ông T đang tranh chấp, có phần đất nông nghiệp (đất nuôi trồng thuỷ sản) diện tích 2.332m^2, toạ lạc xã K, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK536223, số vào sổ CH04087 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/12/2012 cho ông T đứng tên sử dụng, bà thống nhất với ý kiến của ông T rằng đây là tài sản riêng của ông T do vợ chồng bà đã cho ông T trước khi cưới vợ nên không đồng ý chia theo yêu cầu của bà B.

***Tại Bản án sơ thẩm số 205/2020/HNGĐ-ST ngày 14/5/2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tuyên xử*:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B:

- Về hôn nhân: Cho bà Hồ Thị B ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 271/2010, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 02 tháng 11 năm 2010 cho bà Hồ Thị B và ông Huỳnh Văn T không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: công nhận sự thỏa thuận giữa bà B và ông T như sau: Bà B được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Linh Đ, sinh ngày

14/6/2009 (hiện cháu Đ đang sống với bà B). Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu Đ thành niên và có khả năng lao động được.

(Việc cấp dưỡng được bắt đầu kể từ ngày tuyên án sơ thẩm)

Không ai được cản trở ông T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Giao cho ông T sở hữu, quản lý, sử dụng số tài sản chung bao gồm:

+ 01 căn nhà gỗ (nhà chính) diện tích 31,68m^2, toạ lạc tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang, kết cấu: nhà sản trên cọc nóng đá, khung cột gỗ, vách, mái tole và 01 căn nhà phụ (nối liền nhà chính, để bán tạp hoá) diện tích 10m^2, kết cấu: nền láng xi măng, khung cột gỗ, mái vách lợp tole. Căn nhà được xây dựng trên phần đất của gia đình ông Trí;

+ 01 máy ép nước mía;

+ 01 tủ lạnh (tủ đông) hiệu Sanaky;

+ 01 tủ đựng đồ nhôm;

+ 01 chiếc xe mô tô, hiệu Honda, biển số 67D1 - 61.996;

+ Số tiền bán 03 con bò, trị giá 25.000.000 đồng;

+ 51 gốc xoài (02 năm tuổi) đang trồng trên đất nhà của ông Trí;

- Xác định Quyền sử dụng diện tích đất nông nghiệp (nuôi trồng thuỷ sản) là 2.332m^2, toạ lạc tại xã K, huyện C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK536223, số vào sổ CH04087 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/12/2012 cho ông Huỳnh Văn T đứng tên sử dụng là tài sản riêng của ông T.

- Buộc ông T phải hoàn lại cho bà B giá trị tài sản chung được chia và phần công sức của bà B đối với diện tích đất 2.332m2 tổng cộng là 70.250.000đ (Bảy mươi triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà B đối với 01 chiếc xe mô tô

- Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/5/2020 ông Huỳnh Văn T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét: ông không đồng ý phần quyết định tính công sức của bà B là 13.000.000đ trên phần đất nông nghiệp (nuôi trồng thuỷ sản) có diện tích 2.332m^2, toạ lạc tại xã K, huyện

C, tỉnh An Giang đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK536223, số vào sổ CH04087 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/12/2012 cho ông Huỳnh Văn T đứng tên sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Huỳnh Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư B tranh luận: Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý phần quyết định của bản án sơ thẩm tính công sức của bà B là 13.000.000đ. Vì trên diện tích đất này có trồng xoài, vợ chồng đã được hưởng lợi trên việc trồng xoài, nên không có công sức gì đối với việc cải tạo phần đất và phần đất này nguồn gốc ông T được cha mẹ cho trước khi cưới bà Bé.

- Ông T thống nhất theo nội dung trình bày của Luật sư B và không trình bày thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu: Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của ông Huỳnh Văn T là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xử: không chấp nhận kháng cáo của ông Trí, giữ nguyên án sơ thẩm số 205/2020/HNGĐ-ST ngày 14/5/2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Văn T kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông T, thấy: Ông Huỳnh Văn T và bà Hồ Thị B tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2008 nhưng đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K. Vợ chồng đã có cuộc sống chung hạnh phúc, có với nhau một con chung là cháu Huỳnh Thị Linh Đ, sinh ngày 14/6/2009. Trong suốt khoảng thời gian này, bà B đã làm tròn bổn phận của người vợ và người mẹ để chăm sóc và vun vén cho gia đình. Mặc dù, đối với phần đất nông nghiệp (nuôi trồng thuỷ sản) có diện tích 2.332m^2, toạ lạc tại xã K, huyện C, tỉnh An Giang đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK536223, số vào sổ CH04087 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/12/2012 cho ông Huỳnh Văn T đứng tên sử dụng là tài sản ông T có trước khi cưới bà B. Nhưng trong khoảng thời gian chung sống bà B đã cùng ông Trí trồng xoài trên phần diện tích này, bà cũng đã có công chăm sóc, cải tạo để làm tăng giá trị các cây trồng trên đất

và gìn giữ phần đất này cho đến nay. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án từ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đến quá trình chung sống của vợ chồng ông T bà B để quyết định tính công sức của bà B là 13.000.000đ trên phần đất nông nghiệp (nuôi trồng thuỷ sản) có diện tích 2.332m^2 có có căn cứ.

[3] Tại giai đoạn phúc thẩm, ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, HĐXX phúc thẩm không có cơ sở để xem xét khác, thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí : Ông T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản Điều 148, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà ông Huỳnh Văn T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 205/2020/HNGĐ-ST ngày 14/5/2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B

- Về hôn nhân: Cho bà Hồ Thị B ly hôn với ông Huỳnh Văn Trí.

Giấy chứng nhận kết hôn số 271/2010, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 02 tháng 11 năm 2010 cho bà Hồ Thị B và ông Huỳnh Văn T không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: công nhận sự thỏa thuận giữa bà B và ông T như sau: Bà B được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Linh Đ, sinh ngày 14/6/2009 (hiện cháu Đ đang sống với bà Bé). Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu Đ thành niên và có khả năng lao động được.

(Việc cấp dưỡng được bắt đầu kể từ ngày tuyên án sơ thẩm)

Không ai được cản trở ông T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Giao cho ông T sở hữu, quản lý, sử dụng số tài sản chung bao gồm:

+ 01 căn nhà gỗ (nhà chính) diện tích 31,68m^2, toạ lạc tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang, kết cấu: nhà sản trên cọc nóng đá, khung cột gỗ, vách, mái tole và 01 căn nhà phụ (nối liền nhà chính, để bán tạp hoá) diện tích 10m^2, kết cấu: nền láng xi măng, khung cột gỗ, mái vách lợp tole. Căn nhà được xây dựng trên phần đất của gia đình ông T;

+ 01 máy ép nước mía;

+ 01 tủ lạnh (tủ đông) hiệu Sanaky;

+ 01 tủ đựng đồ nhôm;

+ 01 chiếc xe mô tô, hiệu Honda, biển số 67D1 - 61.996;

+ Số tiền bán 03 con bò, trị giá 25.000.000 đồng;

+ 51 gốc xoài (02 năm tuổi) đang trồng trên đất nhà của ông Trí;

- Xác định Quyền sử dụng diện tích đất nông nghiệp (nuôi trồng thuỷ sản) là 2.332m^2, toạ lạc tại xã K, huyện C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK536223, số vào sổ CH04087 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/12/2012 cho ông Huỳnh Văn T đứng tên sử dụng là tài sản riêng của ông T.

- Buộc ông T phải hoàn lại cho bà B giá trị tài sản chung được chia và phần công sức của bà B đối với diện tích đất 2.332m2 tổng cộng là 70.250.000đ (Bảy mươi triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà B đối với 01 chiếc xe mô tô

- Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

* Về chi phí tố tụng: Bà B tự nguyện chịu và Bà B đã nộp đủ, không phải nộp thêm.

* Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Hồ Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 3.512.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung, tổng cộng bà B phải chịu 3.812.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số TU/2016/0010218 ngày 18/9/2018 và biên lai thu số TU/2016/0010224 ngày 19/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà B phải nộp thêm 512.000 đồng.

+ Ông Huỳnh Văn T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 2.862.500 đồng, tổng cộng ông T phải chịu số tiền án phí là 3.162.500 đồng.

Về án phí phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã

nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006542 ngày 02/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang (đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND H.C (1)
- THA H.C (1)
- Tòa GĐ & NCTN (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1)
- Đương sự "Để thi hành" ;
- Lưu: Hồ sơ.

Lâm Ngọc Phượng